

2010

Quan điểm của trẻ em Việt Nam về việc học và giáo dục tiểu học ở huyện miền núi Na Rì, Việt Nam: Báo cáo tóm tắt của một dự án thí điểm

Renata Phelps
Southern Cross University

Anne Graham
Southern Cross University

Publication details

Phelps, R & Graham, A 2010, 'Quan điểm của trẻ em Việt Nam về việc học và giáo dục tiểu học ở huyện miền núi Na Rì, Việt Nam: Báo cáo tóm tắt của một dự án thí điểm', report to ChildFund Australia, Lismore, NSW & the Centre for Children and Young People, Southern Cross University, Lismore, NSW.

ePublications@SCU is an electronic repository administered by Southern Cross University Library. Its goal is to capture and preserve the intellectual output of Southern Cross University authors and researchers, and to increase visibility and impact through open access to researchers around the world. For further information please contact epubs@scu.edu.au.

Quan điểm của trẻ em Việt Nam về việc học và giáo dục tiểu học ở huyện miền núi Na Rì, Việt Nam

Báo cáo tóm tắt của một dự án thí điểm



Biên soạn: Tiến sỹ Renata Phelps và giáo sư Anne Graham

Cho dự án hợp tác giữa ChildFund Australia và Trung tâm nghiên cứu Trẻ em và Thanh thiếu niên,
Trường Đại học Southern Cross University, Australia.

ChildFund
Australia

Centre for Children
and Young People



research, education & advocacy


**Southern Cross
UNIVERSITY**
A new way to think

Giáo dục phải đem lại tiến trình học tập có ý nghĩa, không chỉ xây dựng kỹ năng đọc viết và làm toán mà còn giúp các em có được các kỹ năng sống và khả năng suy nghĩ và phân tích. Giáo dục cần khuyến khích tính sáng tạo, sự linh hoạt và khả năng thích ứng, đó là những phẩm chất cần có cho sự phát triển cá nhân, thay đổi hành vi và tiếp cận nhiều cơ hội hơn trong cuộc sống.

(Passingham và các cộng sự, 2002, Tr.1).

Báo cáo này có thể được sử dụng lại toàn bộ hay một phần nào đó vào mục đích nghiên cứu, học tập hoặc đào tạo với điều kiện phải trích dẫn nguồn tham khảo. Tài liệu này không được sử dụng với mục đích thương mại.

GỢI Ý TRÍCH DẪN

Phelps, R. & Graham, A. (2010). *Quan điểm của trẻ em Việt Nam về việc học và giáo dục tiểu học ở huyện miền núi Na Rì, Việt Nam: Báo cáo tóm tắt của một dự án thí điểm*. Viết cho ChildFund Australia. Lismore: Trung tâm Nghiên cứu Trẻ em và Thanh thiếu niên, trường Đại học Tổng hợp Southern Cross.

Ghi chú: Báo cáo đầy đủ của dự án nghiên cứu này được biên soạn riêng, và một báo cáo bằng ảnh cho trẻ em với tiêu đề:

Cảm thấy vui vẻ và tự hào: Trẻ em nông thôn Việt Nam nói về việc học của mình.

Tất cả các ấn phẩm này và các bài viết liên quan có thể được truy cập ở địa chỉ website:

www.cyp.scu.edu.au

www.childfund.org.au



© 2010

Centre for Children and Young People, Southern Cross University

ChildFund
Australia

Centre for Children
and Young People

research, education & advocacy

 Southern Cross
UNIVERSITY

Giới thiệu về dự án nghiên cứu

Nghiên cứu này được ChildFund Australia khởi xướng để thực hiện cam kết của tổ chức là tham gia vào các nghiên cứu nhằm tăng cường hiểu biết về trải nghiệm của trẻ, xây dựng năng lực của tổ chức và nâng cao tính hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ phát triển. Nghiên cứu là sự hợp tác giữa ChildFund Australia và Trung tâm Nghiên cứu Trẻ em và Thanh thiếu niên (CCYP) của trường Đại học tổng hợp Southern Cross, Australia.

Giới thiệu về ChildFund Australia

ChildFund Australia là một tổ chức quốc tế, phi chính phủ, phi tôn giáo, hoạt động độc lập nhằm xóa đói giảm nghèo cho trẻ em ở các quốc gia đang phát triển. ChildFund Australia là một thành viên của liên minh ChildFund quốc tế gồm 12 tổ chức, hỗ trợ hơn 15 triệu trẻ em ở 55 quốc gia.

Liên minh ChildFund quốc tế chú trọng vào việc đảm bảo lợi ích thể chất và tinh thần của trẻ em và thanh thiếu niên. Tổ chức này đặt trẻ em và thanh thiếu niên là trọng tâm của các hoạt động và tạo cơ hội cho họ tham gia tích cực vào việc ra những quyết định ảnh hưởng đến thiết kế, thực hiện và đánh giá các hoạt động của các chương trình dự án hỗ trợ. ChildFund muốn tìm hiểu về trải nghiệm của trẻ em để các hoạt động của họ được dựa trên sự hiểu biết sâu sắc về trẻ em và tôn trọng cuộc sống của các em.

ChildFund thực hiện hoạt động, giúp trẻ em đạt được quyền giáo dục cơ bản có chất lượng trong môi trường an toàn và khuyến khích học tập thông qua nâng cao năng lực giáo viên và quản lý giáo dục, cung cấp thiết bị và cơ sở hạ tầng và nâng cao hiểu biết của cha mẹ trẻ em về các vấn đề liên quan đến chăm sóc giáo dục trẻ. Ở những nơi hệ thống trường học chính quy chưa hoàn thiện, ChildFund giúp các cộng đồng tổ chức các hoạt động giáo dục phi chính quy, tăng cường các kỹ năng lãnh đạo của thanh niên, thu hút họ tham gia vào các hoạt động công dân và phát triển kỹ năng đọc viết và kỹ năng sống mà có thể giúp họ có được vai trò tích cực trong xã hội của mình (Wessells, 2005).

Vì vậy, ChildFund tập trung chủ yếu vào xây dựng năng lực tham gia của trẻ em và thanh thiếu niên bằng cách tạo cơ hội cho các em tham gia phù hợp với lứa tuổi và đặt mong đợi cao từ phía các em, phát huy những điểm mạnh của các em, nuôi dưỡng tính bền bỉ để chuẩn bị hành trang cho các em vào đời, đồng thời không làm mất đi cơ hội, thử thách và tính hồn nhiên vốn có của các em (Schwartzman, 2005).

Song song với vận động chính sách cho cách tiếp cận lấy trẻ em làm trọng tâm, ChildFund ý thức được rằng nói chuyện trực tiếp với trẻ em và thanh thiếu niên về những vấn đề ảnh hưởng đến các em không phải là một thông lệ truyền thống, và tiếng nói của các em thường bị ảnh hưởng bởi cha mẹ hoặc những người lớn xung quanh (Schwartzman, 2005). Tổ chức cũng nhận thấy cần coi thanh thiếu niên là nhân tố chính trong sự phát triển của chính các em chứ không đơn thuần là đối tượng hưởng lợi. Vì vậy ChildFund đã tìm kiếm cơ hội tham gia vào các nghiên cứu nhằm lồng ghép và tìm hiểu thêm về các phương pháp luận và phương pháp lấy trẻ em làm trọng tâm.

Giới thiệu về Trung tâm Nghiên cứu Trẻ em và Thanh thiếu niên (CCYP)

Trung tâm Nghiên cứu Trẻ em và Thanh thiếu niên phát huy vai trò và tiếng nói của trẻ em và thanh thiếu niên thông qua các dự án nghiên cứu, giáo dục và vận động chính sách. Các hoạt động của trung tâm do một nhóm các nhà nghiên cứu đa ngành thực hiện, hợp tác với những người thực hiện thực tế và các nhà lập sách để cải thiện lợi ích vật chất và tinh thần cho trẻ em và thanh thiếu niên trong gia đình, trường học và cộng đồng của họ.

Sự hợp tác giữa ChildFund Australia và CCYP đã được củng cố bằng sự cam kết với cách tiếp cận lấy trẻ em làm trọng tâm và có sự tham gia của trẻ em. Hai tổ chức cùng nhau chia sẻ sự tôn trọng sâu sắc đối với cuộc sống của trẻ em và việc tập trung vào hỗ trợ nâng cao lợi ích thể chất và tinh thần của trẻ, cùng chung mục đích cho trẻ cơ hội nói lên tiếng nói của mình về các vấn đề có thể ảnh hưởng đến cuộc sống và cơ hội đem đến tương lai tốt đẹp hơn cho các em.





Bối cảnh của nghiên cứu

Các nước đang phát triển đang đối mặt với yêu cầu khẩn thiết về nâng cao tính công bằng, chất lượng, sự phù hợp và tính chân thực trong giáo dục nếu họ muốn xây dựng một dân số biết chữ và có tính sáng tạo, đổi mới để phục vụ phát triển nền kinh tế của đất nước. Tuy nhiên nhiều nước đang đối mặt với thử thách to lớn về cơ sở hạ tầng, tuyển dụng đủ số giáo viên có trình độ và kinh nghiệm và tỷ lệ đi học thấp do các yếu tố xã hội và kinh tế khác nhau. Các hệ thống giáo dục thường bị thiếu nguồn lực vì khả năng tạo nguồn thu hạn chế của các chính phủ hoặc do các quyết định về phân bổ ngân sách. Ngày càng có nhiều tổ chức phi chính phủ (NGOs) tìm cách hỗ trợ các quốc gia phát triển để cải thiện dịch vụ giáo dục và nâng cao kết quả học tập cho trẻ em.

Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc xóa đói giảm nghèo. Từ năm 1993 đến nay, khoảng 40% dân số đã thoát nghèo, tuy nhiên tỷ lệ thoát nghèo chậm lại trong những năm gần đây, đặc biệt là các vùng nông thôn. Khoảng 16% dân số Việt Nam (khoảng 14 triệu người) vẫn chìm trong nghèo đói. Năm 2010, mức nghèo được đánh giá là một hộ gia đình nông thôn có thu nhập dưới 200.000 đồng Việt Nam 1 tháng (khoảng 12 \$ Úc).

Với 41% dân số dưới 18 tuổi, Việt Nam cam kết nâng cao chất lượng và số lượng trẻ em được đi học. Trong khi số lượng trẻ em nhập học ở cấp học tiểu học cao, số học sinh duy trì việc học của mình ở các cấp học cao hơn như trung học cơ sở và trung học phổ thông có vấn đề lớn, đặc biệt là ở các vùng dân tộc. Số trẻ em ở vùng xa xôi và khó khăn ở Việt Nam, đặc biệt là các trẻ em dân tộc thiểu số có tỷ lệ bỏ học cao và bị thiệt thòi hơn trong các cơ hội về kinh tế xã hội.

Cách giáo dục theo truyền thống của Việt Nam, giống như các nước châu Á khác là tập trung vào sách giáo khoa và chủ yếu thông qua học thuộc lòng, cách tiếp cận bị động trong học tập, dựa trên các kiến thức được in sẵn, học sinh học cạnh tranh với nhau hơn là hợp tác với nhau và học quá nhiều những lý thuyết hàn lâm trong các môn học. (Hà Thị Tuyết Nhung, 2009; Hamano, 2008; Peyser, Gerard, & Roegiers, 2006; Roxas, 2004). Gần đây, cách tiếp cận này được nhận thấy đã đem lại kết quả về kỹ năng giải quyết vấn đề kém và tính sáng tạo thấp, cũng như làm hạn chế khả năng làm việc độc lập của học sinh (Duggan, 2001; Pellini, 2008). Thế nhưng, trong bối cảnh nghèo khó và thiệt thòi, suy nghĩ đa chiều và các kỹ năng giải quyết vấn đề có thể tăng cường khả năng đối mặt với các khó khăn bằng cách xác định những lựa chọn thay thế cho hoàn cảnh của mình và nghĩ ra các giải pháp sáng tạo (Feeny & Boyden, 2003b).



Mục đích của nghiên cứu

Nghiên cứu có 3 mục đích chính, nhằm hiểu rõ hơn về:

- a) Những trải nghiệm của trẻ em Việt Nam và quan điểm của các em về việc học và giáo dục tiểu học ở các cộng đồng nông thôn và hẻo lánh (huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn);
- (b) Những quan điểm của các em có thể hỗ trợ gì và như thế nào trong định hướng chương trình nâng cao chất lượng giáo dục cơ bản trong môi trường an toàn, thúc đẩy học tập; và
- (c) Các vấn đề về phương pháp luận và đạo đức nghiên cứu liên quan đến việc thực hiện một nghiên cứu phù hợp với văn hóa Việt Nam mà phản ánh được quan điểm và tiếng nói của trẻ.

Trước khi bước vào phối hợp thực hiện nghiên cứu, cả ChildFund Australia và Trung tâm CCYP đều mong muốn tìm hiểu về môi trường và bối cảnh học tập có ý nghĩa đối với trẻ, cả chính quy lẫn phi chính quy. Cách tiếp cận như vậy được cho là có thể 'giúp người lớn chú ý hơn và đáp ứng hơn với những nơi mà có thể thu hút trẻ em về vật chất và tinh thần' (Rasmussen, 2004). Cách tiếp cận này nhất quán với các quan điểm về văn hóa xã hội rằng trẻ em có quyền cần được tìm hiểu về trẻ và giai đoạn phát triển trẻ thơ, rằng trẻ em có kiến thức và là các chuyên gia giỏi về cuộc sống của chính các em và có những đóng góp đáng kể.



Từ năm 2002, chính phủ Việt Nam đã đưa chương trình giáo dục mới vào thực hiện với mục đích phát huy việc dạy, học lấy trẻ em làm trọng tâm. Tuy nhiên, việc thực hiện chương trình là một thử thách lớn, đặc biệt là các vùng nông thôn và vùng xa xôi, nơi mà khó tìm được giáo viên có trình độ và kinh nghiệm cùng với lòng yêu nghề. Hơn nữa việc bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cũng hạn chế.

Một số tổ chức phi chính phủ đã hoạt động rất tích cực ở Việt Nam, hỗ trợ sự phát triển và cải thiện việc cung cấp các dịch vụ giáo dục, đặc biệt là các vùng nông thôn và vùng xa xôi. Một số tổ chức, trong đó có ChildFund Australia, đã hỗ trợ tích cực việc thực hiện đổi mới chương trình và phát huy cũng như nuôi dưỡng phương pháp dạy học lấy trẻ em làm trọng tâm.

Các nghiên cứu gần đây trong lĩnh vực phát triển nông thôn nhấn mạnh tầm quan trọng trong việc xây dựng năng lực tham gia của trẻ em và thanh thiếu niên bằng cách thừa nhận những quan điểm của các em và tạo ra các hình thức hỗ trợ tập trung nhiều hơn vào phát triển khả năng tiềm ẩn của các em, như một tác nhân thay đổi hơn là tập trung vào hoàn cảnh khó khăn của các em (Boyden, Eyber, Feeny, & Scott, 2003; Feeny & Boyden, 2003a, 2003b; Lyytikainen, Jones, Hutty, & Abramsky, 2006; Schwartzman, 2005).



Địa điểm nghiên cứu

Tỉnh Bắc Kạn nằm ở phía Bắc, cách Hà Nội khoảng 170 km (3-4 giờ lái xe). Là một tỉnh miền núi với diện tích khoảng 4,800 km vuông với địa hình phức tạp gồm nhiều sông suối, Bắc Kạn là nơi sinh sống của 291,700 cư dân.

Bắc Kạn vẫn là một trong các tỉnh nghèo nhất Việt Nam với cơ sở hạ tầng thiếu thốn, thu nhập bình quân đầu người hàng năm thấp, thành quả kinh tế không ổn định và tiếp cận các dịch vụ công cộng hạn chế. ChildFund làm việc ở 2 huyện Bạch Thông và Na Rì trong tỉnh Bắc Kạn và hỗ trợ 13 xã trong 2 huyện này.

ChildFund bắt đầu thực hiện dự án tại huyện Na Rì từ năm 2008. Huyện có diện tích khoảng 864 km vuông với khoảng 40,000 dân, trong đó có 10,519 trẻ em từ (tuổi từ 0-18), đa số dân trong vùng là dân tộc thiểu số. Sản phẩm chính và nguồn thu nhập của cư dân ở đây là từ nông nghiệp và thu nhập bình quân đầu người (năm 2008) là 3.4 triệu đồng (khoảng 208 Australian). Khoảng 45% số hộ được coi là nghèo.

Khó khăn về phát triển vùng là điều kiện giao thông và đường xá khó khăn, thiếu hệ thống thủy lợi, trường học xây dựng tồi tàn, thiếu điện và các phương tiện liên lạc, nước sinh hoạt không an toàn, thiếu các kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến, thiếu tiếp cận thị trường thương mại, dịch vụ y tế kém và kiến thức hạn chế về các vấn đề sức khỏe. Mức sống trung bình nói chung thấp.

Các hoạt động của ChildFund hiện tập trung vào 7 xã ở Na Rì, nơi có 4579 trẻ em sinh sống. ChildFund tập trung vào nâng cao chất lượng dạy và học. Về chương trình giáo dục, ChildFund tập trung vào 2 yếu tố chính: Môi trường dạy và học và Nâng cao năng lực cho các giáo viên. Các lớp học mới được thay thế cho các lớp học cũ nát và cung cấp các trang thiết bị, đồ dùng dạy học để lớp học có môi trường an toàn và khuyến khích học tập hơn. Thành tố nâng cao kiến thức và kỹ năng tập trung vào nâng cao năng lực của giáo viên về phương pháp dạy lấy học sinh làm trung tâm và nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý nhà trường nhằm tăng cường tính hiệu quả về lập kế hoạch chiến lược và quản lý nhà trường.

Tổng quan về tiến trình nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp dùng ảnh và tranh vẽ để phỏng vấn với 46 trẻ em lứa tuổi từ 9-10 (các lớp cuối tiểu học). Trẻ em được lựa chọn từ 4 trường khác nhau. Nghiên cứu diễn ra từ tháng 9 năm 2009 đến tháng 4 năm 2010.

Dự án được Phòng giáo dục đào tạo huyện giúp đỡ và phê duyệt về đạo đức nghiên cứu cho dự án nhận được từ Ban Đạo đức Nghiên cứu con người của trường Đại học tổng hợp Southern Cross. Lựa chọn số mẫu trẻ em tham gia và giới thiệu về dự án cho các em và cha mẹ, giáo viên có sự trợ giúp đặc lực của cán bộ dự án chương trình giáo dục của ChildFund tại tỉnh Bắc Kạn, chi Đoàn Thị Linh.

Chuyến đi thực địa đầu tiên diễn ra từ ngày 6- 9 tháng 12 năm 2009. Hai nhóm trẻ em được mời đến tham gia với tổng số 20 trẻ em. Đây là cơ hội để các nghiên cứu viên giải thích thêm về dự án cho các em và cấp máy ảnh cũng như hướng dẫn sử dụng. Các em được giữ máy ảnh trong vòng 24 tiếng để chụp ảnh về những khía cạnh trong cuộc sống thường ngày, nói lên được những câu chuyện về việc học của các em, ở nhà cũng như ở trường. Nghiên cứu dự định sẽ phỏng vấn được 20 trẻ em, tuy nhiên do có vấn đề về việc sử dụng máy chụp ảnh nên chỉ có thể phỏng vấn 10 trẻ trong số 20 trẻ được chọn.

Số liệu sau đó được giải thích và dịch, gửi sang cho nghiên cứu viên ở CCYP. Sau phần phân tích ban đầu, Tiến sỹ Renata Phelps của Trung tâm tới Hà Nội để họp với các nghiên cứu viên Việt Nam, cung cấp phản hồi về số liệu ban đầu và hoàn thiện các phương pháp và câu hỏi phỏng vấn.

Chuyến thực địa thứ 2 diễn ra vào thời gian từ 24-27 tháng 1 năm 2010 làm việc với 4 nhóm gồm 36 trẻ em (bao gồm các em có máy ảnh nhưng không chụp được ảnh lần trước, ngoài 4 em vắng mặt do tham gia thi đấu Olympic). Sau đó số liệu được giải thích gửi sang Australia để phân tích. Sau đó báo cáo được CCYP viết với sự cộng tác chặt chẽ của các nghiên cứu viên và cán bộ của ChildFund.

Quan điểm, ý tưởng và ảnh của trẻ em cũng được tài liệu hóa trong cuốn sách cho trẻ em có tên *Cảm thấy vui vẻ và tự hào: Trẻ em nông thôn Việt Nam nói về việc học của mình*. Mục đích của cuốn sách là giải thích một số phát hiện chính từ trẻ em theo cách tích cực và thông báo kết quả nghiên cứu. Sau nghiên cứu, nhóm cũng trình bày tới các giáo viên và đại diện Phòng giáo dục về các phát hiện chính. Kết quả nghiên cứu cũng được trình bày với các nhân viên của ChildFund trong một ngày vào tháng 5 năm 2010, kết hợp với hoạt động nâng cao năng lực cho nhân viên.



TÓM TẮT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU Việc học ở ngoài trường

Số trẻ em được phỏng vấn rất có khả năng thực hiện các công việc nhà và việc đồng áng từ khi còn rất nhỏ, nhiều công việc có thể gây rủi ro và với người phương Tây thì đó là những công việc nguy hiểm và quá sức cho trẻ em.

Trâu rất thích chạy... nếu em chỉ chặn 1 con, nó rất thích chạy theo các con khác và khó bắt nó về nhà (Donald).

Lấy nước cũng là công việc nặng. Em lấy nước từ một cái ao. Em nắm lấy 1 cành cây to rồi cúi xuống lấy nước. (Mickey).

Lên núi lấy củi làm em thấy mệt lắm (Minh).

Các em chủ yếu học các công việc này từ cha mẹ mình, từ các anh chị em trong nhà hoặc các thành viên khác trong gia đình và cách học chủ yếu thông qua xem, làm rồi biết.

Khi chúng em không biết đi xe đạp, em học cách đi, lần đầu tiên chúng em dắt xe đạp, chúng em vẫn chưa biết đi. Chúng em cần phải thực hành nhiều hơn. Nếu không thì khi đi chúng em sẽ sợ ngã và không biết đi (Thinh).

Em thích xem máy cày. Em thích lái máy cày (Rùa).

Nghiên cứu không cho thấy định kiến về giới như cha hoặc mẹ chỉ dạy riêng loại công việc nào đó.



Có rất nhiều hoạt động ở cộng đồng mà trẻ em tham gia vào.

Ở thôn em, em tham gia vào các hoạt động khơi thông cống rãnh hoặc rạch mương cho nước vào ruộng... em làm cùng với mọi người trong thôn... Em học được rằng khi khơi thông cống rãnh và mương, nước sẽ chảy vào ruộng nhiều hơn, hoa màu sẽ tốt hơn và được mùa hơn (Huy).

Hầu hết các em đều cho thấy niềm vui tự tại khi học được điều gì đó mới và đơn thuần thích đóng góp với gia đình thông qua các công việc trong nhà.

Em cảm thấy vui vẻ và tự hào vì em đã giúp được cha mẹ nhiều việc (Thúy).

Bởi vì em thích giúp cha mẹ em... để cha mẹ em đỡ vất vả (Lạc).

Mỗi khi em quét nhà, em cảm thấy thích ... nếu có chỗ nào bẩn, em cầm chổi quét và rất vui vì thấy để (Chuyên).

Trẻ em thể hiện ý thức về tính tự lập, tự chịu trách nhiệm và khả năng tham gia. Các em nắm lấy thời cơ và thích được thử thách trong cuộc sống ngoài trường học.

Em muốn học cách làm đồng vì em muốn giúp cha mẹ... cắt cỏ ngoài đồng. Em cũng muốn giúp cha mẹ em tra ngô (Lạc).

Nhiều trẻ em tự nhận thấy chính mình có khả năng cố gắng hết mức và tập trung - đây là yếu tố quan trọng nhất đem lại thành công trong việc học tập của các em.



TÓM TẮT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU Việc học ở trong học

Trẻ em thường nói về cảm giác vui vẻ và tự tin khi ở trường học. Các em đặc biệt thích chơi với các bạn của mình, nghe cô giáo giảng và có thêm kiến thức mới.

Em thích nhìn bạn em chơi với các bạn khác. Các bạn rất vui và em cũng rất vui (Nga).

Em thích các cô giáo bởi họ dạy em những điều tốt để trở thành người tốt (Trang).



Có một môi trường sạch và nhiều cây rất quan trọng đối với trẻ em.

Chúng em giữ môi trường sạch. Chúng em nhặt rác, cho vào thùng và đổ khi đầy (Cá).

Cây xanh làm môi trường chúng em xanh, sạch và đẹp hơn (Cá).

Vì mùa hè thời tiết rất nóng. Nếu chúng em có nhiều cây hơn thì khi đi học, học sinh có thể đứng dưới bóng cây cho mát (Len).

Các em tự đánh giá cao về trường học vì trường học tạo điều kiện cho các em vui chơi và tự cải thiện mình. Toán là môn được yêu thích rõ rệt nhất.

Bởi khi em lớn lên, em biết tính toán khi muốn bán các thứ (Mai).

Tiếng Anh là môn ít được yêu thích nhất, tuy vậy tất cả các em đều cho rằng là môn học quan trọng.

Khi em lớn lên, em được đi học nước ngoài, nếu mọi người ở đây nói tiếng Anh, em có thể nói chuyện với họ. (Chuyên).

Hầu hết các em đều cảm thấy thoải mái khi nhờ các bạn và cô giáo giúp đỡ, một số em tỏ ra ngại ngùng khi yêu cầu sự giúp đỡ từ phía giáo viên, đặc biệt trong giờ học.

Trẻ em không thích bị mắng hoặc phạt khi ở trường học, đặc biệt khi các em không hiểu bài.

Em không thích bị mắng và phạt khi em không hiểu bài... các cô giúp em hiểu bài... nếu em không hiểu và không biết làm bài như thế nào, em sẽ bị điểm kém ... em cảm thấy buồn (Huệ & Bili).

Điều đó nói lên rằng không có văn hóa bị mắng chửi thái quá từ giáo viên hay cha mẹ học sinh.

Giáo viên được các em cho là nhân tố chính giúp các em học tập. Tuy nhiên, không nhiều em nói về mối quan hệ giữa cô và trò và tính cách của cô giáo mà có thể giúp các em học. Các em hay nói về giá trị của các bài giảng của cô và lời cô chỉ dẫn, các ví dụ, làm mẫu, giải thích và các bài tập hơn.

Nhiều cô chỉ dẫn cho chúng em cho đến khi cả lớp hiểu bài (Bubi).

Tất cả các em có bài tập về nhà hàng ngày và thường cảm nhận rằng nếu cần giúp đỡ, các em sẽ được những người xung quanh giúp, như cha mẹ hoặc anh chị em hoặc bạn bè.

Các em rất quan tâm và biết phân tích về các hành vi của bạn mình về những vấn đề lên quan, cũng như đều có giải pháp cho các vấn đề này và giải pháp cho các hành động cũng như hành vi của các em.

Em không thích các bạn em cãi nhau (Của & Em).

Em nghĩ trẻ em nên quan tâm đến những điều giáo viên dạy (Rùa).

Chúng em sẽ ngoan hơn và nghe lời các cô (Xanh).



TÓM TẮT CÁC PHÁT HIỆN

Các mối quan hệ và việc hỗ trợ trẻ em trong học tập

Cộng đồng nông thôn này có văn hóa giúp con em họ học tập. Điều này rất ngạc nhiên bởi thường có những định kiến từ trước ở Việt Nam là các gia đình dân tộc thiểu số thường không đánh giá cao việc học tập và giáo dục của con cái. Chính trẻ em chia sẻ cam kết trong việc học và nắm các cơ hội cũng như giá trị của việc học đồng thời đánh giá cao vai trò của người lớn trong việc giúp các em.

Bởi vì các cô giáo rất tận tâm dạy chúng em... các cô có nhiều kiến thức và dùng các kiến thức đó dạy chúng em. (Em).

Hầu hết các em đều nhắc đi nhắc lại rằng cha mẹ mình rất tích cực tham gia vào các công việc trong trường học như tham gia họp phụ huynh và các công việc tình nguyện như xây trường hay sân. Trẻ em rất thích cha mẹ tham gia vào công việc của trường học như vậy.

Bởi cha mẹ em quan tâm đến việc học của em (Bubi).



Không có trẻ nào nói trong phỏng vấn là các em phải làm quá nhiều việc nhà mà không có thời gian làm bài tập ở nhà hoặc phải nghỉ học để giúp cha mẹ làm việc nhà. Mặc dù vậy, các em cũng nói rằng các anh chị hoặc các bạn lớn hơn phải làm vậy.

Nhiều trẻ em nói lên mối quan hệ gần gũi và nồng ấm đối với giáo viên và có bằng chứng về sự chăm sóc đặc biệt của giáo viên với học sinh.

Các cô giáo của em thực sự yêu chúng em, trường học của chúng em và lớp em... các cô rất thân thiện (Cá).

Hầu hết tất cả trẻ em đều tin rằng cô giáo các em yêu thích trường học, yêu thích các em và cam kết giúp các em có tương lai tốt hơn.

Bởi vì các cô dạy chúng em bằng cả tấm lòng. Các cô muốn giúp chúng em trở thành người giúp ích cho xã hội (Huệ & Bil).

Trẻ em đánh giá cao khi giáo viên nói chuyện với các em về các vấn đề ngoài trường học, chia sẻ các câu chuyện cá nhân hoặc các câu chuyện bông đùa, hài hước và điều này giúp các em học.

Cô ấy nói về những chuyện ngày xưa... em cảm thấy rất quan trọng. (Khanh & Trang).

Cô nói với em về các gia đình nghèo, bão lụt, về kẻ bắt giữ con tin và nước lũ cuốn (Duc).

Cô ấy hỏi tin về gia đình em, về sức khỏe của ông bà em (Len).

Một số trẻ em cho biết nhiều giáo viên không nói chuyện với các em như vậy.

Em muốn các cô nói chuyện với em để có mối quan hệ gần gũi hơn... để em nhớ những điều cô dạy tốt hơn (Khế).

Trẻ em thể hiện sự tôn trọng sâu sắc đối với người lớn và chú trọng đến các vấn đề và hành vi đạo đức. Trường học đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển tải và củng cố những giá trị và chuẩn mực xã hội như sự tôn trọng và biết vâng lời.

Chúng em phải học cách cư xử tôn trọng người lớn (Hang).

Trẻ em đánh giá cao việc được khen và khuyến khích từ phía cha mẹ và thầy cô giáo. Mặc dù có ít trẻ em nói về việc các em nhận được quà hay phần thưởng, hầu hết các em đều thích lời khen từ thầy cô, ông bà cha mẹ và nhiều em nói rằng chính các em tự thấy vui vẻ và sung sướng vì được giúp cha mẹ và thầy cô.

Cha mẹ em và ông bà nói rằng em làm rất tốt ... em cảm thấy rất vui. (Hue).

Em thấy vui vì em được cô giáo khen (Em).

Đây là bức ảnh em đang học bài. Đây là mẹ em và bố em đứng cạnh em. Em rất tự hào với bức ảnh này vì bố mẹ em luôn bên cạnh em; họ chăm sóc em và giúp em làm bài tập về nhà. (Len).



TÓM TẮT CÁC PHÁT HIỆN Sự cấu thành quá trình “học” và “dạy”

Theo truyền thống của Việt Nam, ‘học’ là một thuật ngữ thường chỉ được hiểu trong bối cảnh hàn lâm ở trường học hoặc bài tập về nhà. Trong nghiên cứu này, các em cũng có chung ý hiểu như vậy. Chỉ có thông qua trao đổi sâu và gợi ý, các em mới hiểu rộng hơn về việc học, và nhất quán với mối quan tâm của nghiên cứu này.

Trẻ em gặp khó khăn trong việc nói lên cách học như thế nào, Điều này cho thấy các tiến trình giúp học sinh hiểu về cách học ít được thực hành trong hệ thống giáo dục và xã hội Việt Nam. Ghi nhớ bằng cách nhắc đi nhắc lại và thực hành đóng vai trò quan trọng trong việc học của các em.

Cô giáo giao bài tập cho chúng em. Chúng em phải viết đi viết lại 5 lần ở nhà (Thuy).

Có ít bằng chứng cho thấy giáo viên giúp học sinh trong tiến trình học như gợi ý cho các cách để ghi nhớ hoặc nhắc lại.



Bản chất của trường trình học khó và cách dạy học tập trung vào giải quyết nội dung của trường trình hơn là hỗ trợ quá trình học của học sinh ảnh hưởng lớn đến kinh nghiệm học tập của trẻ. Nội dung các môn được viết riêng biệt và các hoạt động học tập ít lồng ghép. Ít bằng chứng về các cách tiếp cận trong dạy học như dạy học qua trải nghiệm, học qua cách đặt câu hỏi hay suy ngẫm, phân tích. Các vấn đề liên quan đến tính chân thực và sự phù hợp của chương trình học đối với cuộc sống của trẻ cũng được nhìn thấy rõ.



Tất cả trẻ em đều thích sách giáo khoa, đặc biệt đánh giá cao những bức tranh trong sách. Nhiều em thấy khó hiểu các bài học trong sách một số môn.

Bởi sách giáo khoa có các hình ghép. Sách giúp chúng em có được kiến thức... chúng giúp em có kiến thức hơn về lịch sử của các thế hệ đi trước. (Của).

Rất ít trẻ em nói về các nguồn tài liệu khác hoặc các tài liệu ảnh trong lớp học hoặc ở môi trường địa phương và tính hài hước, bông đùa ít khi được nhắc đến.

Nhiều trẻ em nói về việc được tham gia trong các hoạt động nhóm, tuy nhiên trong hầu hết trường hợp làm việc nhóm thường là ngồi cùng trong nhóm nhưng làm việc riêng rẽ.

Học theo nhóm có nghĩa là ... khi giáo viên đưa câu hỏi và chúng em cùng nhau suy nghĩ, sau đó từng bạn trả lời một (Tép).

Các phát hiện cho thấy các quan điểm về việc học do xã hội và văn hóa cấu thành không khớp với hiểu biết của các em về khả năng học và tham gia của chính mình.

TÓM TẮT CÁC PHÁT HIỆN Suy nghĩ về tương lai

Hầu hết các em đều có ý tưởng rõ ràng về công việc mình muốn làm khi trưởng thành, các vai trò chuyên nghiệp như giáo viên, cảnh sát hay bác sỹ thường được nhắc đến. Chỉ hai em đề cập đến công việc đồng áng hay được người lớn làm trong thôn mình.

Tất cả các em đều nhìn nhận trường học hiện tại có giá trị cho công việc sau này của mình, đặc biệt là khả năng đọc viết, làm toán, các kỹ năng thực hành khác như khâu vá và đạo đức.

Khi em học giỏi, lớn lên em sẽ làm giáo viên, em sẽ dạy cho các em những điều em học được từ khi em còn bé cho các em. (Ti).

Các môn như kỹ thuật có thể giúp em khâu vá và thêu thùa. Khi em lớn lên, em có thể khâu vá cho các em nhỏ để các em có quần áo mặc ấm vào mùa đông (Chuyên).

Học đạo đức giúp em có đạo đức tốt và cư xử với mọi người tốt làm các bệnh nhân tôn trọng em (Khế).

Các vấn đề về môi trường rất quan trọng và năng lực tham gia của các em được phản ánh thông qua việc các em thường xuyên nói về cam kết có được môi trường xanh sạch đẹp trong cộng đồng mình hoặc các công việc trong tương lai. Trẻ em rõ ràng nhận thấy các em có thể tác động ngay lập tức đến môi trường ở địa phương, đặc biệt là ở trường học, qua hành vi của các em, cũng như thông qua vận động cho các vấn đề về môi trường với các bạn của mình.



Trẻ em gợi ý những thay đổi ở trường học

Lúc đầu các em tỏ ra lưỡng lự khi xác định những gợi ý cần thay đổi cho trường học và có xu hướng quy trách nhiệm cho nhiều vấn đề liên quan đến môi trường là do hành vi của các bạn. Các vấn đề như nhà vệ sinh, giữ vệ sinh và sạch sẽ là những vấn đề chính mà trẻ em nhắc tới, ảnh hưởng đến sự vui chơi của các em trong giờ giải lao và rất ngại đi vệ sinh.

Một số bức tường lớp em sắp đổ... các bức khác bị nứt khắp nơi. (Vũ & Long).

Em ước trường em có sân xi măng để chúng em vẫn có thể tập thể dục trong những ngày mưa bão (Hương).

Em ước sân trường được xây bê tông để bùn đất khỏi dính vào chân em khi vào lớp. Bây giờ không có sân xi măng, lớp học sau khi quét vẫn bẩn (Huy).

Em chỉ sử dụng nhà vệ sinh khi em bị đau bụng (Lạc).

Một số học sinh cũng đề cập mong muốn có thêm đồ dùng dạy học và thiết bị trong lớp.

Em nghĩ trường học nên có đủ đồ dùng học tập và các thiết bị khác để giúp chúng em học tốt hơn ... (Cúc).

Hạn chế tiếp cận tới sách báo tranh ảnh và các phương tiện đại chúng, cũng như chưa đi đâu khác ngoài trường lớp của mình rõ ràng tác động đến khả năng gợi ý thay đổi từ phía các em. Nhìn chung, trẻ em chấp nhận môi trường học tập hiện tại, chỉ mong muốn sạch sẽ hơn và an toàn hơn.

TÓM TẮT CÁC PHÁT HIỆN

Sự tham gia của trẻ em vào nghiên cứu

Trẻ em thực sự thích thú được có cơ hội chụp ảnh và nói chuyện với những người phỏng vấn và các em đánh giá cao việc người lớn lắng nghe quan điểm của các em.

Bởi em biết cách chụp ảnh và em thích nói chuyện với các cô vì các cô hóm hỉnh và tốt bụng (Tiên).

Bởi các cô đến đây để lắng nghe về việc học của chúng em ở trường và ở nhà (Bubi).

Bởi các cô quan tâm đến việc học của chúng em (Sang).

Trẻ em cũng cho biết các em học được nhiều từ các cuộc phỏng vấn, đặc biệt là các em suy nghĩ nhiều hơn về việc học của chính mình.

Bởi nó giúp em học tốt hơn (Khanh & Trang).

Khi tham gia vào dự án này, em sẽ hiểu việc học của mình... em học về các môn học và học cách nói chuyện... Chúng em không chỉ học ở trường mà còn học ở nhà (Lan).

Em thích các cô vì các cô hỏi chúng em những câu hỏi... vì những câu hỏi đó cũng là những thử thách mà chúng em phải vượt qua (Thinh).

Trẻ em cho rằng người lớn cần phải lắng nghe ý kiến của các em. Các em nhìn nhận rằng lắng nghe là cách tốt nhất để người lớn có thể giúp được trẻ em tốt nhất, và cũng thông qua lắng nghe trẻ em, người lớn có thể hiểu hơn và tôn trọng các em hơn.

Nếu người lớn không nghe ý kiến của trẻ em mà chỉ trẻ em nghe người lớn thì không tốt. Người lớn nên nghe ý kiến của trẻ em (Xanh).

Chúng em có thể nói lên tiếng nói của mình. Nếu chúng em muốn ai đó nghe lời chúng em nhưng họ không nghe thì chúng em sẽ bị thất vọng. (Tiên).

Một số trẻ em coi việc họ có tiếng nói là quyền lợi và trách nhiệm. Một em chỉ ra rằng tôn trọng trẻ em, giao tiếp giữa trẻ với người lớn là một trong những điểm trọng tâm trong sách giáo dục đạo đức của các em.

Trong sách giáo khoa môn Đạo đức có nói trẻ em và người lớn cần phải lắng nghe lẫn nhau. Sách cũng nói mọi người cần tôn trọng trẻ em, nếu trẻ em không thích làm một việc gì đó, người lớn không được phép bắt ép (Khế & Chuyên).



Những điều học được về mặt văn hóa từ các nghiên cứu viên

Là một nhóm gồm các nghiên cứu viên người Úc và người Việt, chúng tôi học hỏi lẫn nhau rất nhiều về mặt văn hóa và chúng tôi cùng nhau học hỏi được những vấn đề liên quan đến tiến hành nghiên cứu cùng trẻ em và thiếu niên. Vai trò của ChildFund là rất quan trọng và nghiên cứu không thể thành công được nếu không có sự cam kết mạnh mẽ từ các cá nhân và cả tổ chức.

Những câu trả lời của trẻ em nhiều khi phức tạp, đa sắc hoặc đối nghịch nhau, vì vậy nghiên cứu viên cần dành thời gian để hỏi, gợi ý và làm rõ những câu trả lời khó hiểu của trẻ. Để có khả năng làm vậy, các nghiên cứu viên cần phải cùng nhau hiểu rất rõ những vấn đề và mối quan tâm phù hợp với dự án, và sự hiểu biết chung này cũng không tránh khỏi những ảnh hưởng về mặt văn hóa.

Trình bày lại quan điểm của trẻ em trong bất cứ nghiên cứu nào đầy rẫy những khó khăn, và đặc biệt phức tạp hơn khi phải dịch sang thứ tiếng khác.

Trong khi có những suy nghĩ về sự mất cân bằng trong quyền lực giữa trẻ em và người lớn, những giả định do văn hóa là khó mà lắng nghe hoặc tôn trọng được những quan điểm của trẻ em, những phát hiện trong nghiên cứu này đã thử thách lại các giả định và suy nghĩ trên. Dù trẻ em có thể hơi ngại ngùng và rất tôn trọng người lớn, với kiến thức và kinh nghiệm hạn chế, các em vẫn có khả năng nêu quan điểm của mình và phê phán phân tích.

Các vấn đề chính

Vì khái niệm ‘học’ trong bối cảnh truyền thống của Việt nam được hiểu như là một hoạt động chính quy mà chủ yếu diễn ra ở trường học, ý nghĩa của việc học phi chính quy, diễn ra ở nhà hoặc ở bất kỳ đâu đó không được nhận ra, vì vậy vẫn bị ẩn giấu và không được đề cao thích đáng.

Năng lực tham gia để thể hiện mình của trẻ em thể hiện rất rõ trong các khả năng học của các em và các hoạt động ngoài trường học. Tuy nhiên, sự tham gia thụ động và phụ thuộc hơn ở trường học có tác động đến bản ngã của trẻ, tính hiệu quả của việc học và lợi ích của các em. Gillies and Khan (2008) nhấn mạnh rằng những vấn đề này không phải là hiếm ở các nước đang phát triển và các giáo viên không thay đổi và thu hút sự tham gia của trẻ em vào các quá trình học về quá trình học. Tác giả cho rằng học sinh thường được nhìn nhận là người bị động nhận kiến thức hơn là những tác nhân tích cực tham gia vào quá trình tạo kiến thức.

Bằng cách thử thách trẻ em suy nghĩ về cách các em có thể đưa ra giải pháp, giáo viên đã có thể thay đổi suy nghĩ của trẻ (Gillies & Khan, 2008, 324).

Có ít bằng chứng tập trung ở trường học về việc trẻ em học như thế nào. Tăng cường tập trung vào quá trình học cho trẻ em và người lớn và tham gia tích cực vào các hoạt động suy ngẫm về quá trình học có thể tăng sự kiểm soát của các em về việc học và nuôi dưỡng ý thức về năng lực tham gia của chính bản thân các em. Đảm bảo các trải nghiệm học tập là chân thực và phù hợp với những trải nghiệm cuộc sống của chính các em sẽ giúp nâng cao năng lực, tính sáng tạo và sự độc lập để trở thành những tác nhân thay đổi và đem lại tương lai tươi sáng hơn cho chính các em và cộng đồng của mình.

Những phát hiện của nghiên cứu có ý nghĩa to lớn đối với các giáo viên, quản lý giáo dục và các nhà lập pháp. Để Việt Nam thực hiện thành công chương trình và phương pháp lấy trẻ em làm trọng tâm, cần thiết phải cân nhắc bản chất của việc ‘dạy’ và ‘học’ bị ảnh hưởng bởi những yếu tố văn hóa và xã hội và thử thách giáo viên và các nhà lập pháp về những giá trị của họ về cải thiện nền giáo dục. Những quan điểm xã hội dần thể chế hóa việc ‘dạy’ và ‘học’ và gắn cho chúng là những tiến trình làm ‘cho’ thay vì làm ‘với’ học sinh sẽ hạn chế thành tựu của các cuộc cải tổ giáo dục.

Nhiều hoạt động phát triển hiện nay được thực hiện cho giáo viên mới chỉ ở mức giới thiệu các phương pháp, chiến lược mới như học qua trải nghiệm. Dù những công tác phát triển chuyên môn này là quan trọng nhưng vẫn cần đi kèm với các tiến trình suy ngẫm, giúp giáo viên suy nghĩ khác đi với lối mòn cũ để có tác động lớn hơn trên thực tế. Như câu hỏi trong nghiên cứu này đã thử thách học sinh: ‘em học bằng cách nào?’, giáo viên cũng cần phải được hỏi câu hỏi ‘các cô dạy bằng cách nào?’ và quan trọng hơn ‘các cô đã giúp học sinh học bằng cách nào?’ Để các giáo viên áp dụng được phương pháp dạy học lấy trẻ làm trọng tâm, họ cần phải hiểu hoặc cần mở rộng tầm hiểu biết về những yếu tố ảnh hưởng đến cách học sinh học.

Có được thói quen học về việc học ở lớp là phức tạp và đòi hỏi sự nỗ lực vượt bậc của các giáo viên, dù ở các nước phát triển hay đang phát triển bởi nó thử thách những giá trị, niềm tin và giá trị định của cá nhân và nghề nghiệp không chỉ về việc ‘dạy’, ‘học’ mà còn chính về ‘trẻ em’ và ‘thời thơ ấu’. Nó đòi hỏi giáo viên phải chuyển từ việc coi trẻ em như những cá nhân ‘không biết gì’ và ‘phụ thuộc’ sang việc coi các em ‘có khả năng’ và ‘độc lập’ và nhìn nhận năng lực mà các em thể hiện trong các bối cảnh ngoài trường học.

Sự thay đổi trong phương pháp dạy học lấy trẻ em làm trọng tâm cũng được đặt trong mối quan hệ tồn tại giữa trẻ em và người lớn. Lần nữa, để năng lực trẻ em được phát huy tối đa, trẻ em cần mối quan hệ với người lớn như cha mẹ và thầy cô giáo một cách tích cực, tôn trọng nhưng có tính thúc đẩy. Nghiên cứu này đã cho thấy trẻ em ở huyện Na ri đã sẵn có nền tảng cơ bản. Bằng cách phát huy dựa trên nền tảng là cam kết mạnh mẽ sẵn có của cộng đồng đối với việc học của con em họ và sự nhiệt huyết của các em, sẵn sàng học tập, ChildFund Australia ở vị thế tích cực để tiếp tục tạo nên sự thay đổi đáng kể cho cuộc sống của những trẻ em này ở Việt nam.





Các giáo viên và quản lý nhà trường và các quản lý của Phòng Giáo dục huyện Na Rì

LỜI CẢM ƠN

Tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành đến:

- ◆ 46 trẻ em tham gia vào nghiên cứu, người đã chia sẻ những bức ảnh và suy nghĩ của mình, cùng gia đình của các em đã hỗ trợ các em tham gia vào nghiên cứu;
- ◆ Các giáo viên giúp thúc đẩy các cuộc phỏng vấn với trẻ em;
- ◆ Hà Thị Tuyết Nhung, người đóng vai trò chủ chốt trong việc quản lý dự án ở Việt Nam;
- ◆ Những người phỏng vấn: Hà Thị Quỳnh Anh, Tôn Thị Tâm, Lê Đan Dung và Hà Thị Tuyết Nhung, và
- ◆ Các cán bộ của ChildFund đã giúp hoàn thành dự án này.



Từ trái sang phải: Hà Thị Tuyết Nhung, Hà Thị Quỳnh Anh, Lê Đan Dung và Tôn Thị Tâm; Renata và Nhung trình bày dự án nghiên cứu tới các giáo viên ở Na Rì.

CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Boyden, J., Eyber, C., Feeny, T., & Scott, C. (2003). *Children and poverty: Voices of children: Experiences and perceptions from Belarus, Bolivia, India, Kenya and Sierra Leone: Children and Poverty Series Part II*. Virginia: Christian Children's Fund.
- Duggan, S. (2001). Educational reform in Viet Nam: A process of change or continuity? *Comparative Education*, 37(2), 193-212.
- Feeny, T., & Boyden, J. (2003). *Children and poverty: A review of contemporary literature and thought on children and poverty: Rethinking the causes, experiences and effects: Children and Poverty Series Part I*. Virginia: Christian Children's Fund.
- Feeny, T., & Boyden, J. (2003). *Children and poverty: Shaping a response to poverty: A conceptual overview and implications for responding to children living in poverty: Children and Poverty Series Part III*. Virginia: Christian Children's Fund.
- Gillies, R. M., & Khan, A. (2008). The effects of teacher discourse on students' discourse, problem-solving and reasoning during cooperative learning. *International Journal of Educational Research*, 47, 323-340.
- Ha Thi Tuyen Nhung (2009). Creating a "learning organization" at primary schools in Hoa Binh province, Vietnam: A test case, Masters Thesis. Delarna University, Sweden and Faculty of Education, Vietnam National University, Hanoi.
- Hamano, T. (2008). Educational reform and teacher education in Vietnam. *Journal of Education for Teaching: International Research and Pedagogy*, 34(4), 397-410.
- Lyytikäinen, M., Jones, N., Hutty, S., & Abramsky, T. (2006). *Childhood poverty, basic services and cumulative disadvantage: An international comparative analysis*. London: Young Lives, Save the Children UK.
- Neville, A., Bessel, S., & Moore, T. (2007). *Responsive Policy and Support Services for Children*. Canberra: Australian National University.
- Passingham, S., Nguyen Nguyet Nga, & Shaw, C. (2002). *Localizing MDGs for Poverty Reduction in Viet Nam: Providing Quality Basic Education for All: Poverty Task Force*, World Bank.
- Pellini, K. (2008). *Drivers and barriers for the adoption of global sustainable development policies: A review of the experience with Agenda 21 and the United Nations Decade of Education for Sustainable Development in Vietnam*. Paper presented at the 12th EADI General Conference focussing on "Global Governance for Sustainable Development: The Need for Policy Coherence and New Partnerships".
- Peyser, A., Gerard, F. M., & Roegiers, X. (2006). Implementing a pedagogy of integration: Some thoughts based on a textbook elaboration experience in Vietnam. *Planning and Changing*, 37(1-2), 37-55.
- Rasmussen, K. (2004). Places for children: Children's places. *Childhood*, 11(2), 155-173.
- Roxas, K. (2004). *Community development in schools: Perceptions of teachers across national boundaries*. Paper presented at the 12th World Congress of Comparative Education Societies.
- Schwartzman, J. (2005). *Promoting the agency of young people*. Virginia: Christian Children's Fund.
- Wessells, M. (2005). *Children's rights, development and rights-based approaches: The way forward*. Virginia: Christian Children's Fund.

Những số liệu được lấy từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm số liệu của Phòng và sở giáo dục địa phương, kết hợp với các nguồn khác như thông cáo báo chí quốc gia và Ngân Hàng Thế giới.

Được đối xử với đúng phẩm cách và được tôn trọng có nghĩa là được nhìn nhận như một con người hơn là một ‘vấn đề’, và được lắng nghe mà không bị phán xét... Được lắng nghe bởi những gì bạn nói được cho là có giá trị, là dấu hiệu của sự tôn trọng và thừa nhận khả năng của bạn... Vì vậy năng lực tham gia và khả năng kiểm soát cuộc sống của bạn có quan hệ chặt chẽ với phẩm cách và sự tôn trọng, được đối xử đúng với phẩm cách và được tôn trọng có thể làm tăng cảm nhận về tự trọng và ý thức về khả năng của mình

(Nevile, Bessel, & Moore, 2007, p.1).



Nếu bạn muốn có thêm thông tin về dự án này, xin hãy liên lạc theo địa chỉ:

Centre for Children and Young People
Southern Cross University
ccyp@scu.edu.au
www.ccyp.scu.edu.au

ChildFund Australia
162 Goulburn Street, Surry Hills NSW
info@childfund.org.au
www.childfund.org.au

ChildFund
Australia

Centre for Children
and Young People



research, education & advocacy

 **Southern Cross**
UNIVERSITY